

CÁC BỘ**LIÊN BỘ**

**ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC —
ỦY BAN PHÁT THANH VÀ TRUYỀN
HÌNH VIỆT NAM**

**THÔNG TƯ liên bộ Ủy ban Vật giá
Nhà nước-Ủy ban Phát thanh
và truyền hình Việt Nam số
2-VGNN-PTTH-TT ngày 21-2-
1985 quy định danh mục các
sản phẩm và dịch vụ do Ủy
ban Vật giá Nhà nước được
Hội đồng Bộ trưởng Ủy quyền
quyết định giá và do Ủy ban
Phát thanh và truyền hình
Việt Nam quyết định giá.**

Căn cứ nghị định số 33-HĐBT ngày 27-2-1984 của Hội đồng Bộ trưởng, ban hành Điều lệ quản lý giá; nay liên bộ quy định danh mục các sản phẩm và dịch vụ do Ủy ban Vật giá Nhà nước được Hội đồng Bộ trưởng ủy quyền quyết định giá và do Ủy ban Phát thanh và truyền hình Việt nam quyết định giá như sau:

**I. DANH MỤC SẢN PHẨM VÀ DỊCH
VỤ DO ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC
ĐƯỢC HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG ỦY
QUYỀN QUYẾT ĐỊNH GIÁ**

1. Giá bán buôn hàng nhập toàn bộ những máy móc thiết bị, phụ tùng nhập khẩu dùng trong ngành phát thanh và truyền hình.

2. Giá bán buôn vật tư máy móc thiết bị nhập khẩu dùng trong ngành phát thanh và truyền hình.

3. Giá chuẩn cước phí giờ phát sóng phát thanh, phát sóng phát hình và cước phí thu âm, ghi hình cước phí sử dụng máy thu hình, giá cước điện thanh loa truyền thanh đường dây.

4. Giá bán chuẩn hàng hóa, dịch vụ các hoạt động phát thanh truyền hình ở trong nước và hợp tác quốc tế thuộc ngành phát thanh và truyền hình sản xuất phân phối, và hoạt động sự nghiệp có thu bằng tiền Việt Nam hoặc bằng ngoại tệ.

5. Giá bán buôn xí nghiệp, giá bán buôn công nghiệp, những sản phẩm mà Hội đồng Bộ trưởng và Ủy ban Vật giá đã quyết định giá bán buôn vật tư: máy tăng âm, máy thu thanh, máy thu hình, loa... do các cơ sở của Ủy ban phát thanh và truyền hình Việt Nam sản xuất.

6. Giá chuẩn bán buôn công nghiệp những sản phẩm chủ yếu có trong chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh của Nhà nước là hàng tiêu dùng mà Ủy ban Phát thanh và truyền hình Việt Nam đã quyết định giá bán buôn xí nghiệp phim vô tuyến truyền hình 16 ly, băng ghi hình, băng ghi âm thanh có chương trình và phim, băng sống, các loại ấn phẩm.

7. Chiết khấu lưu thông vật tư hàng hóa toàn ngành.

**II. DANH MỤC SẢN PHẨM VÀ DỊCH
VỤ DO ỦY BAN PHÁT THANH
VÀ TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM
QUYẾT ĐỊNH GIÁ**

1. Căn cứ vào giá chuẩn của Hội đồng Bộ trưởng và Ủy ban Vật giá Nhà nước để quyết định giá bán buôn xí nghiệp, giá bán buôn công nghiệp, giá bán buôn vật tư cụ thể cho các sản phẩm và dịch vụ như: Cước phí giờ phát sóng phát thanh, giờ phát sóng phát hình, giờ thu âm ghi hình: cước loa truyền thanh, các loại phụ tùng nhập khẩu tiêu dùng chủ yếu trong ngành phát thanh và truyền

hình; giá bán lẻ hàng hóa, dịch vụ phục vụ người nước ngoài, chiết khấu lưu thông vật tư, hàng hóa áp dụng trong ngành.

2. Căn cứ vào chiết khấu lưu thông vật tư hàng hóa toàn ngành do Ủy ban Vật giá Nhà nước quyết định đề cụ thể hóa.

3. Quyết định giá bán buôn xí nghiệp, giá bán buôn công nghiệp, giá bán buôn vật tư các loại máy móc thiết bị và phụ tùng do các cơ sở trực thuộc Ủy ban Phát thanh và truyền hình sản xuất (ngoài danh mục sản phẩm do Hội đồng Bộ trưởng và Ủy ban Vật giá Nhà nước quyết định giá):

— Các thiết bị chuyên dùng cho phát thanh, truyền thanh, truyền hình sản xuất đơn chiếc.

— Phim vô tuyến truyền hình 16 ly có chương trình và phim sống (màu và đen trắng).

— In trắng phim đen và màu.

— Băng ghi hình (màu và đen trắng), ghi âm thanh có chương trình và băng sống.

Ấn phẩm.

4. Quyết định giá dịch vụ, sửa chữa các loại sản phẩm, dịch vụ như sau:

— Ghi sao băng ghi hình (màu và đen trắng), băng ghi âm thanh.

— Cho thuê: buồng kỹ thuật, thiết bị thu ghi hình, phim vô tuyến truyền hình, chiếu Video casset.

— Trang âm và trang âm phiên dịch đồng bộ các hội nghị.

— Lắp đặt, sửa chữa các cơ sở, thiết bị phát thanh, truyền thanh, truyền hình.

Chủ nhiệm
Ủy ban Phát thanh và
truyền hình Việt Nam

TRẦN LÂM

Q. Chủ nhiệm
Ủy Ban Vật giá
Nhà nước

PHAN VĂN TIÊM

ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC —
TỔNG CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG
VIỆT NAM

THÔNG TƯ liên bộ Ủy ban Vật giá Nhà nước — Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam số 3-VGNN - HKDD - TT ngày 8-3-1985 quy định danh mục các sản phẩm và dịch vụ do Ủy ban Vật giá Nhà nước được Hội đồng Bộ trưởng ủy quyền quyết định giá và Tổng cục Hàng không dân dụng quyết định giá.

Căn cứ nghị định số 33-HĐBT ngày 27-2-1984 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Điều lệ quản lý giá; nay liên bộ quy định danh mục các sản phẩm và dịch vụ do Ủy ban Vật giá Nhà nước và Tổng cục Hàng không dân dụng quyết định giá như sau:

I. DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ DO TỔNG CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG LẬP PHƯƠNG ÁN TRÌNH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG QUYẾT ĐỊNH GIÁ:

1. Cước vận chuyển hành khách, hàng hóa, bưu kiện và hành lý trên tuyến chuẩn Hà Nội — thành phố Hồ Chí Minh (áp dụng cho công dân Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia và công dân các nước tham gia Hiệp định EAPT và EAGT).

2. Khung giá cước vận chuyển hành khách, hàng hóa, bưu kiện và hành lý trên tuyến chuẩn Hà Nội — thành phố Hồ Chí Minh (áp dụng cho công dân các nước